

PHỤ LỤC I

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm: 2024 (Năm học 2023-2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU

2. Địa chỉ hoạt động

- Trụ sở chính: 125, Nguyễn Hội, Phú Tài, Phan Thiết, Bình Thuận.

- Điện thoại: 0252.3.822287

- Địa chỉ thư điện tử: c2nguyendu.binhthuan@moet.edu.vn.

- Cổng hoặc trang thông tin điện tử: thcsnguyenduphanthiet.com

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

Cơ sở giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Ngày 01/8/1990, Ủy ban nhân dân thị xã Phan Thiết ban hành Quyết định số 692/QĐ-UB/90 thành lập Trường Phổ thông cấp II Phan Thiết số 3 trên cơ sở Trường Phổ thông sơ sở Phong Nẫm cũ trước đây. Đến ngày 21/7/1995, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1096 QĐ/UBBT đổi tên Trường Phổ thông cấp II Phan Thiết số 3 thành Trường THCS Nguyễn Du ngày nay.

Trải qua hơn 30 năm hoạt động, đến tháng 03/2022 trường được đầu tư xây mới khu hiệu bộ, khôi phục vụ học tập-phòng học bộ môn và cải tạo sửa chữa khối 21 phòng học cũ.

Năm học 2023-2024, trường tổ chức Lễ khai giảng đầu tiên tại ngôi trường mới, khang trang, sạch đẹp với hơn 2300 học sinh và 100 thầy, cô trong không khí phấn khởi, vui tươi.

6. Thông tin về người đại diện hợp pháp

- Hiệu trưởng: Võ Phương Đăng

- Chức vụ: Hiệu trưởng

7. Tổ chức bộ máy: Trường có các quyết định và quy chế, cụ thể:

7.1. Quyết định thành lập trường: Quyết định số 1096 QĐ/UBBT ngày 21 tháng 7 năm 1995 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc ban hành tên gọi các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo Bình Thuận

7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách các thành viên.

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

7.4. Quy chế và tổ chức hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường; sơ đồ tổ chức bộ máy.

7.5. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc (nếu có). Không có

7.6. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ trách nhiệm của lãnh đạo trường và lãnh đạo thành viên của trường

*** Phó hiệu trưởng**

Họ và tên: Võ Thị Mỹ Thanh

- Chức vụ: Phó hiệu trưởng.

Họ và tên: Nguyễn Văn Chín

- Chức vụ: Phó hiệu trưởng.

8. Các văn bản khác của nhà trường đã xây dựng và thực hiện:

- Chiến lược phát triển giáo dục của đơn vị.

- Quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Nghị quyết của Hội đồng trường.

- Quy định về quản lý tài chính, tài sản.

- Kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo.

- Quy chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Viên chức quản lý - Giáo viên - Nhân viên																									
Viên chức quản lý									Giáo viên									Nhân viên							
SL	Trình độ đào tạo			Chuẩn nghề nghiệp			Bồi dưỡng HN		SL	Trình độ đào tạo			Chuẩn nghề nghiệp			Bồi dưỡng HN		SL	Bồi dưỡng HN						
	Đ	C	T	Đ	Ti lệ	C	Ti lệ	HT	Ch. HT		Đ	C	T	Đ	Ti lệ	C	Ti lệ	HT	Ch. HT		Đ	Ch.	TC	HT	Ch. HT
3	3			3	100			3		97	85	12	0	97	100			97		5	2	1		3	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối chiếu yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Đối chiếu yêu cầu tối thiểu
1	Trụ sở chính	4723	5171	Thiếu
Tổng cộng		4723	5171	Thiếu

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng ...

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/hs	Đối chiếu với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Loại phòng học	27		
1	Phòng học kiên cố	27		Đủ
2	Phòng học bán kiên cố	0		
II	Tổng diện tích các phòng			
1	Diện tích phòng học (m ²)	1505		Thiếu
2	Diện tích thư viện (m ²)	50		Thiếu
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0		Thiếu
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	65		Đủ
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0		Thiếu
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	130		Đủ
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	24		Đủ
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0		Thiếu
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động đội	48		Đủ
	Các phòng khác:	0		Thiếu
10	Phòng Y tế	1		Đủ
11	Phòng họp Hội đồng sư phạm	1		Đủ
12	Phòng Hiệu trưởng	1		Đủ
13	Phòng Phó Hiệu trưởng 1	1		Đủ
14	Phòng Phó Hiệu trưởng 2	1		Đủ
15	Văn phòng trường	1		Đủ
16	Phòng giáo viên	1		Đủ
17	Kho	1		Đủ
18	Phòng Bảo vệ	1		Đủ

3. Thiết bị, sách giáo khoa

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu	Số lượng	Đối chiếu với yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Số lượng các thiết bị hiện có	34	Đủ
2	Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được phê duyệt		
2.1	Khối 6	14	Đủ
2.2	Khối 7	10	Thiếu
2.3	Khối 8	5	Thiếu
2.4	Khối 9	5	Thiếu

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

Trường chưa đảm bảo chất lượng theo Thông tư 18 về kiểm định chất lượng giáo dục đạt chuẩn quốc gia.

Tiếp tục cải tiến chất lượng đồng thời tham mưu với các cấp để đạt các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục đạt chuẩn quốc gia trong thời gian sớm nhất.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục

Không

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động của năm học đơn vị đã xây dựng và thực hiện

- Kế hoạch tuyển sinh hằng năm (theo Kế hoạch tuyển sinh của Phòng Giáo dục và Đào tạo được UBND thành phố Phan Thiết phê duyệt).

- Kế hoạch giáo dục năm học của đơn vị.

- Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc giáo dục học sinh

- Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh trong nhà trường.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

2.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân trên lớp theo từng khối lớp 6, 7, 8, 9.

Tổng số		Chia ra											HS học 02 b/ng ày	
		lớp 6			lớp 7			lớp 8			lớp 9			
Lớp	Học sinh	Lớp	HS	bq HS/1	Lớp	HS	bq HS/1	Lớp	HS	bq HS/1	Lớp	HS	bq HS/1	
53	2408	14	670	47,8	16	732	45,7	13	559	43	10	437	43,7	0

2.2. Kết quả đánh giá học sinh theo quy định (Thông tư 22).

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Kết quả rèn luyện (Hạnh kiểm)	2282	735	577	441	529
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1481 64,9	482 65,6	344 59,6	265 60,1	390 73,7
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	663 29,1	195 26,5	206 35,7	133 30,2	129 24,4

3	Trung bình (Đạt yêu cầu) (tỷ lệ so với tổng số)	138 6,0	58 7,9	27 4,7	43 9,8	10 1,9
4	Yếu (Chưa đạt yêu cầu) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Kết quả học tập (Học lực)	2282	735	577	441	529
1	Xuất sắc (Giỏi) (tỷ lệ so với tổng số)	827 36,2	276 37,6	204 35,4	132 29,9	215 40,6
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	758 33,2	239 32,5	199 34,5	146 33,1	174 32,9
3	Đạt (Trung bình) (tỷ lệ so với tổng số)	682 29,9	212 28,8	167 28,9	163 37,0	140 26,5
4	Chưa đạt (Yếu) (tỷ lệ so với tổng số)	15 0,7	8 1,1	7 1,2	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2267 99,3	727 98,9	570 98,8	441 100	529 100
2	Học sinh giỏi, xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	813 35,6	269 36,6	199 34,5	129 29,3	216 40,8
3	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	172 32,5				172 32,5
4	Ở lại (tỷ lệ so với tổng số)	15 0,7	8 1,1	7 1,2	0 0	0 0
5	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	5 0,2	1 0,1	0 0	2 0,5	2 0,4
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện (thành phố)	0	0	0	0	0
1	Cấp tỉnh/thành phố	17	0	0	0	17
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					529

3. Công khai việc thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai nội dung: **Không.**

Số lượng trẻ đang học (chia ra số trẻ em là người Việt Nam, số trẻ em là người nước ngoài): **Không.**

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các khoản thu phân theo: (so sánh với số liệu năm trước)

- Nguồn kinh phí ngân sách cấp: 14.919.146.000 đồng.
- Nguồn kinh phí thu học phí: 5.349.210.000 đồng
- Nguồn thu khác: Không.

2. Các khoản chi phân theo:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương: 12.902.927.589 đ
- Chi CSVS (mua sắm, sửa chữa,...): 456.646.000 đồng.
- Chi hỗ trợ người học: 2.958.356.000 đồng
- Chi khác: 251.810.000 đồng.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học

Nhà trường thực hiện đầy đủ và đúng về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định (Nếu có): Không

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Nhà trường đã tổ chức việc tuyên truyền, phổ biến, học tập đến quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tham gia đầy đủ và đạt hiệu quả các phong trào thi đua do cấp trên phát động.

- Tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử cho học sinh.

- Tham gia đầy đủ các hoạt động thiện nguyện, đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- Tổ CM, VP;
- Các đoàn thể, bộ phận;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Võ Phương Đăng